TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Phương
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Hàn Văn Vinh – Kiểm sát viên .

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T ; Sinh năm: 1968
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Công V; Sinh năm: 1966
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2020, bản tự khai ngày 09/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Công V chung sống như vợ chồng từ năm 1991, đến ngày 15/05/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống. Thêm vào đó, ông V thường xuyên rượu chè say xỉn và chửi bới vợ con. Không chịu đựng được cuộc sống như vậy, đến năm 2009 thì bà đã đi làm ăn xa tại Đắk Lắk, còn ông V ở nhà cũng đã chung sống với người phụ nữ khác từ năm 2013 đến nay. Hiện tại, giữa bà và ông V mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay bà

xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị N, sinh ngày 30/4/1989. Hiện nay, chị N đã thành niên và đã có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2020, ông Trương Công V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1991, đến ngày 15/05/2004 thì hai bên đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T thường xuyên đi làm ăn xa ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến năm 2013 thì bà T đã đi hẳn không về nhà và vợ chồng đã ly thân từ đó. Hiện tại, mỗi người đã có cuộc sống riêng nên hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị N, sinh ngày 30/4/1989. Hiện nay, chị N đã thành niên và đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Về hôn nhân, xét thấy giữa bà T và ông V mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Trương Công V không thể tự viết bản khai được nên Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông V. Đây là biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Trương Công V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông V đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ ông V đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt ông V.

[4]. Bà Thiên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bà T.

[5]. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Trương Công V chung sống như vợ chồng từ năm 1991, đến ngày 15/05/2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn giữa bà T và ông V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên say ra bất đồng, cãi cọ lẫn nhau. Từ năm 2013, ông V và bà T đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả bà T và ông V đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Nay cả bà T và ông V đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Bùi Thị T và ông Trương Công V được ly hôn.

[6]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị N, sinh ngày 30/4/1989. Hiện nay, chị N đã thành niên và đã có gia đình riêng, bà T và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về tài sản: Bà T và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1.Về hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn ông Trương Công V.

2.Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002643, ngày 08/01/2020. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt bà Bùi Thị T và ông Trương Công V. Bà T và ông V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc